

PHỤ LỤC SỐ 7

MẪU, BIỂU MẪU BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mẫu 01/ĐVDT: Số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp của đơn vị dự toán được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp năm...

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Mẫu 02/ĐVDT: Tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp năm...

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Mẫu 03/ĐVDT: Báo cáo tổng hợp sử dụng dự toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản được giao niêm độ ngân sách năm... của ngân sách các cấp.

(Dùng cho Kho bạc nhà nước gửi các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách các cấp)

Biểu số 1: Cân đối quyết toán ngân sách địa phương năm....

(Dùng Ủy ban nhân dân báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 2: Quyết toán thu ngân sách nhà nước năm ...

(Dùng Ủy ban nhân dân báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 3: Quyết toán chi ngân sách địa phương năm....

(Dùng Ủy ban nhân dân báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 4: Quyết toán thu ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước năm ...

(Dùng cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 5: Quyết toán chi ngân sách địa phương theo mục lục ngân sách nhà nước năm ...

(Dùng cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 6: Quyết toán chi chương trình mục tiêu theo mục lục ngân sách nhà nước năm

(Dùng cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 7: Quyết toán chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước năm....

(Dùng cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 8: Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể năm....

(Dùng cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 9: Thuyết minh chi khắc phục hậu quả thiên tai năm....

(Dùng cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 10: Thuyết minh tình hình sử dụng dự phòng, tăng thu và thường vượt thu ngân sách năm....

(Dùng cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 11: Báo cáo tình hình kiểm toán, thanh tra năm....

(Dùng cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Biểu số 12: Báo cáo chi chuyển nguồn sang năm sau năm....

(Dùng cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

DƠN VỊ
MÃ CHƯƠNG:
MÃ KBNN GIAO DỊCH:

Mẫu số: 01/BVDT

SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP CỦA ĐƠN VỊ
ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM SAU (KHÔNG PHẢI XÉT) THUỘC NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/ CẤP HUYỆN)

NIÊN ĐỘ ...

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan Kho bạc Nhà nước)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí (1)	Loại Khoản	Mục, Tiêu mục	Số dư tài khoản tiền gửi
1	2	3	4	5	6
1	Kinh phí thường xuyên				
a)	- Kinh phí khoán, tự chủ				
b)	- Kinh phí không tự chủ				
2	Kinh phí chương trình mục tiêu				
...				

Ghi chú:

- (1) Chi tiết theo các mã tính chất nguồn kinh phí (kinh phí tiền lương; khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi; dự án và đề tài khoa học...)

Ngày ... tháng ... năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ghi rõ tổng số tiền ở cột số 6)

KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị

ĐƠN VỊ (hoặc CHỦ ĐẦU TƯ)....., MÃ SỐ:
MÃ CHƯƠNG:
MÃ KBNN GIAO DỊCH:

Mẫu số: 02/ĐVDT

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM SAU (KHÔNG PHẢI XÉT CHUYỂN)
CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/ CẤP HUYỆN) THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN
NIÊN ĐỘ ...**

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan Kho bạc Nhà nước)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí (1)	Dự toán năm được chi			Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau				
			Loại Khoản	Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang (2)		Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh (3)	Số dư toán	Số dư tạm ứng	Số dư cam kết chi
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11	12
A/	CHI THUỐNG XUYÊN										
1	Kinh phí thường xuyên										
a)	- Kinh phí khoán, tự chủ										
b)	- Kinh phí không tự chủ										
2	Kinh phí chương trình mục tiêu										
.....											
B/	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (4)										
DỰ ÁN A											
1	Nguồn vốn tập trung trong nước										
2	Các nguồn vốn										
3	...										
	DỰ ÁN B										
.....											

Ghi chú: **Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.**

- (1) Chi tiết theo các mã tính chất nguồn kinh phí (Kinh phí tiền lương; khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi; dự án và đề tài khoa học...)
- (2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.
- (3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).
- (4) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) theo chế độ, được chuyển sang năm sau (không phải xét chuyển).

Ngày ... tháng ... năm

Thủ trưởng đơn vị

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị

(Ghi rõ tổng số của các chi tiêu ở cột số 5,9,10,11,12)

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỬ DỤNG DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB ĐƯỢC GIAO NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM
CỦA NGÂN SÁCH CẤP (TW, TỈNH,...)

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc các cấp báo cáo cơ quan Kho bạc Nhà nước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn và Tên cơ quan chủ quản	Dự toán vốn đầu tư được giao niêm độ năm (gồm cả bão sung trong năm và số năm trước được chuyển sang)	Dự toán ngân sách đã sử dụng đến hết ngày 31/01 năm sau			Dự toán ngân sách được chuyển sang niên độ năm sau	Dự toán ngân sách được chuyển sang niên độ năm sau	Dự toán ngân sách được chuyển sang niên độ năm sau
			Tổng số	Tổng số	Tr.đó: Vốn trong nước			
A	B	TỔNG SỐ	1	2=3+5	3	4	5	6
I VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẬP TRUNG								
1/	<i>Kinh phí cấp năm trước từ nguồn tking trước dự toán năm nay</i>							
	BỘ A (SỞ A, PHÒNG A)							
	BỘ B (SỞ B, PHÒNG B)							
...								
2/	<i>Kinh phí cấp trong niên độ năm nay từ nguồn dự toán năm nay</i>							
	BỘ A (SỞ A, PHÒNG A)							
	BỘ B (SỞ B, PHÒNG B)							
...								
II VỐN XDCB CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU								
1	<i>Kinh phí cấp năm trước từ nguồn tking trước dự toán năm nay</i>							
	BỘ A (SỞ A, PHÒNG A)							
	BỘ B (SỞ B, PHÒNG B)							
2	<i>Kinh phí cấp trong niên độ năm nay từ nguồn dự toán năm nay</i>							
	BỘ A (SỞ A, PHÒNG A)							
	BỘ B (SỞ B, PHÒNG B)							
III VỐN ĐẦU TƯ XDCB KHÁC								
	(Chi tiết từng nguồn vốn, từng đơn vị)							

Ghi chú: - Cột 1 số năm trước được chuyển sang gồm: số dư dự toán ngân sách giao và số dư tạm ứng theo chế độ chia thu hồi
- Số liệu báo cáo ở biểu này bao gồm cả các trường hợp được phép chuyển số dư dự toán sang năm sau.

Ngày tháng năm

Giám đốc/Tổng giám đốc Kho bạc nhà nước

Người lập biểu

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM
(Dùng cho Ủy ban nhân dân báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

Phân thu	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phân chi	Tổng số	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số thu					Tổng số chi				
A Tổng thu cân đối ngân sách									
1 Các khoản thu NSDP hưởng 100%									
2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %									
3 Thu từ quỹ dự trữ tài chính									
4 Thu kết dư năm trước									
5 Thu chuyển nguồn từ năm trước sang									
6 Thu viện trợ									
7 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên									
Tr.đó: - Bổ sung sang năm sau									
- Bổ sung có mục tiêu									
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)									
- Bội chi = chi - thu									
B Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN									
B Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN									

Ngày tháng năm
CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN
GIÁM ĐỐC KBNM.....
(Ký tên và đóng dấu)

Ngày tháng năm
TM.UBND
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp trong 1 tháng
(Cơ quan tài chính ký đối với ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, kế toán đối với NS cấp xã)

UBND

QUYẾT TOÁN THU NSNN NĂM
(Dùng cho Ủy ban nhân dân báo cáo Cơ quan tài chính cấp trên)

Phu lục số 7 - Biểu số 2

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách			So sánh QTDT (%)
		Cấp trên	HĐND giao		Thu NS	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	
A		B		(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)
2.4	Thu từ khí thiên nhiên							
2.5	Thuế tài nguyên							
	Tr.đó: - Tài nguyên dầu, khí (không bao gồm thuế tài nguyên khai thác dầu, khí theo hiệp định, hợp đồng)							
2.6	Thu từ thu nhập sau thuế thu nhập							
2.7	Thu từ thu nhập sau thuế thu nhập							
2.8	Thu tiền thu nhập mặt đất, mặt nước, mặt biển							
	Tr.đó: - Thu từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí							
3	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh							
3.1	Thuê giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước							
3.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước							
3.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
3.4	Thuế tài nguyên							
3.5	Thu từ thu nhập sau thuế thu nhập							
	Tr.đó: - Từ lợi nhuận còn lại							
3.6	Thu khác							
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
5	Thuế thu nhập cá nhân							
6	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện							
7	Lệ phí trước bạ							
8	Thu phí, lệ phí							
8.1	Thu phí, lệ phí trung ương							
8.2	Thu phí, lệ phí tinh, huyện							
8.3	Thu phí, lệ phí xã							
9	Các khoản thu về nhà, đất và khoáng sản							
9.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp							
9.2	Thu tiền thuê đất, mặt nước (không kê thu từ khu vực dầu từ nước ngoài)							
9.3	Thu tiền sử dụng đất							
9.4	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
9.5	Thu tiền bán, thuê, khấu hao nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
10	Thu tại xã							

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách			So sánh QT/DT (%)
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)
10.1	Thu hoa lợi từ quỹ đất công ích và đất công Tr.đó: - Tiền đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất công							(8)=(3)+(1) (9)=(3)+(2)
10.2	Thu tiền cho thuê quầy bán hàng							
10.3	Thu hồi khoản chi năm trước							
10.4	Thu phạt, tịch thu							
	<i>Trong đó: Thu phạt an toàn giao thông</i>							
10.5	Thu khác tại xã							
II <i>Thu khác ngân sách</i>								
11.1	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ							
11.2	Thu chênh lệch trái phiếu							
11.3	Thu tiền phạt (Không kê phạt tại xã) <i>Tr.đó: Phai vi phạm an toàn giao thông</i>							
11.4	Thu tịch thu (Không kê tịch thu tại xã) <i>Tr.đó: Tịch thu chống lậu</i>							
11.5	Thu hồi các khoản chi năm trước							
11.6	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ							
11.7	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác							
11.8	Thu nhập từ vốn góp của Nhà nước							
11.9	Thu khác còn lại (Không kê thu khác tại xã)							
II <i>Thu sổ kiến thiết</i>								
12.1	Thuế giá trị gia tăng							
12.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
12.3	Thu từ thu nhập sau thuế							
12.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt							
12.5	Lệ phí môn bài							
12.6	Thu khác							
II <i>Thu về đầu thô</i>								
I <i>Thu về đầu thô theo hiệp định, hợp đồng</i>								
1.1	Thuế tài nguyên							
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam							
1.4	Dầu khí được chia của Chính phủ Việt Nam							
1.5	Thuế đặc biệt							
1.6	Thu khác							
2 <i>Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng.</i>								

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách		So sánh QT/DT (%)
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	
A		(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(8)=(3);(1) (9)=(3);(2)
3	<i>Phụ thu về dầu, khí</i>						
4	<i>Thu về kinh doanh nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)</i>						
III	Thu Hải quan						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu						
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu						
5	Thuế bù sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam						
6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu						
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện						
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện						
8	Phi, lệ phí hải quan						
9	Thu khác						
IV	Thu Viện trợ						
V	Các khoản huy động, đóng góp						
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng						
2	Các khoản huy động đóng góp khác						
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính						
<i>1</i>	<i>Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách</i>						
<i>2</i>	<i>Thu từ các khoản cho vay của ngân sách</i>						
2.1	Thu nợ gốc cho vay						
2.2	Thu lãi cho vay						
3	<i>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</i>						
VII	Tạm thu ngân sách						
VIII	Các khoản không có trong công thức						
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	Vay bù đắp bồi chi NSNN						
1	Vay trong nước						
2	Vay ngoài nước						
II	Vay để trả nợ gốc vay						
1	Vay trong nước						
2	Vay ngoài nước						
III	Tạm vay của NSNN						
1	Tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước theo Lệnh của Chính phủ						

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm HĐND quyết định	Phân chia theo từng cấp ngân sách			So sánh QT/DT (%)
		Cấp trên giao	Thu NS cấp tỉnh		Thu NS cấp huyện	Thu NS xã		
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(8)=(3)+(1)
2	Tam vay ngoài nước							(9)=(3)+(2)
IV	Các khoản thu không có trong công thức							
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH							
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên							
1.	Bổ sung cân đối							
2.	Bổ sung có mục tiêu							
2.1	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước</i>							
2.2	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước</i>							
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên							
III	Các khoản thu không có trong công thức							
D	THU CHUYỂN NGUỒN							
I	Thu chuyển nguồn							
II	Các khoản thu không có trong công thức							
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH							
I	Thu kết dư ngân sách							
II	Các khoản thu không có trong công thức							
	Ngày tháng năm			Ngày tháng năm				
	GIÁM ĐỐC KBNN.....			CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN				
	(Ký tên và đóng dấu)			TM.UBND				
				(Ký tên và đóng dấu)				

Chú thích:

Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chi tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

(1) - *Bao gồm: Doanh nghiệp tư nhân, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty nước ngoài hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở thường trú tại Việt Nam, Hợp tác xã sản xuất - kinh doanh - dịch vụ*

(2) - *Bao gồm: Cá nhân và nhóm cá nhân kinh doanh, hộ cá thể, cá nhân hành nghề độc lập, cá nhân cho thuê tài sản, cá nhân nước ngoài kinh doanh có thu nhập phải sinh tại Việt Nam*

(3) - *Chỉ phản ánh các khoản thu đơn vị được để lại chi theo chế độ quy định*

Ngày tháng năm
CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN
(Ký tên và đóng dấu)

Ngày tháng năm
TM.UBND

(Ký tên và đóng dấu)

UBND

Phụ lục số 7 - Biểu số 3

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM
(Dùng cho Ủy ban nhân dân báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)**

(Dùng cho Ủy ban nhân dân báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung chi		Dự toán năm		Quyết toán năm		So sánh QT/DT(%)	
	Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
2.8	Chi Thể dục thể thao						
2.9	Chi Bảo vệ môi trường						
2.10	Chi các hoạt động kinh tế						
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể						
2.12	Chi Bảo đảm xã hội						
2.13	Chi ngành, lĩnh vực khác						
4	Chi bổ sung quý dữ trữ tài chính						
5	Chi chuyển nguồn						
II	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LAI ĐƠN VỊ CHI QL QUA NSNN⁽¹⁾						
1							
2							
III	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI						
1	Bổ sung cân đối						
2	Bổ sung có mục tiêu						
<i>Tr. đó:</i> - <i>Bảng nguồn vốn trong nước</i> - <i>Bảng nguồn vốn ngoài nước</i>							
IV	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN						
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV)						

Ghi chép

Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chi tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp trưởng ưng

-Còn (1) chỉ phản ánh những chỉ tiêu TW giao ở dòng mòng ống

(1) - Phản ánh các khoản chi từ nguồn thu đơn vị được để lại chi theo chế độ quy định.

Ngày tháng năm **Ngày tháng năm**
TM.UBND

CƠ QUAN BÁO CÁO

Phu lục số 7 - Biểu số 4

QUYẾT TOÁN THI NSNN THEO MỤC LỤC NSNN NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính, UBND cấp xã, báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Ngày *tháng* *năm*
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên và đóng dấu)

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TÀI CHÍNH - U
Ngày tháng năm
(Ký tên và đóng dấu)**

CƠ QUAN BÁO CÁO

QUYẾT TOÁN CHI NSĐP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính, UBND cấp xã, báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TÀI CHÍNH - UBND CẤP XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

**Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....**

Phụ lục số 7 - Biểu số 5

CƠ QUAN BÁO CÁO

Phu lục số 7 - Biểu số 6

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC LỤC NSNN NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính, UBND cấp xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Ngày *tháng* *năm*
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên và đóng dấu)

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TÀI CHÍNH - UBND CÁP XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO

QUYẾT TOÁN CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LAI QUẢN LÝ QUA NSNN NĂM...
(Dùng cho cơ quan tài chính (cấp tỉnh, huyện), UBND cấp xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)
Đơn vị: triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số		Trong đó					
	Chi Đầu tư XDCB	Chi TX tư XDCB	Chi ngành giáo dục		Chi ngành y tế	
			Chi đầu tư XDCB	Chi TX tư XDCB	Chi đầu tư XDCB	Chi TX tư XDCB		
Tổng số								
- Chi từ nguồn huy động đóng góp XDCS hạ tầng								
- Chi từ nguồn huy động đóng góp khác								
- ...								
- ...								
...								

..., ngày ... tháng ... năm ...

CÁN BỘ LẬP BIỂU
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TÀI CHÍNH/UBND CẤP XÃ
(ký, ghi rõ họ tên)
(ký tên và đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO

Phụ lục số 7 - Biểu số 8

THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM (Dùng cho cơ quan tài chính, UBND cấp xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	
1	2=3+4+5	3	4	5	6
Số quyết toán chi tăng, giảm so với dư toán					
1/ Do chính sách thay đổi					
- Phụ cấp đặc biệt					
- Phụ cấp khu vực					
...					
2/ Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung					
...					
3/ Tăng, giảm biến chế so với dư toán					
- Số biến chế tăng, giảm					
- Số kinh phí tăng, giảm					
4/ Mua sắm tài sản					
Trong đó: - Số ô tô					
- Số kinh phí					
5/ Sửa chữa trụ sở làm việc					
...					

Ghi chú: Trường hợp (giảm) thì ghi số âm (có dấu trừ ở trước)

Ngày tháng năm
(Ký tên và đóng dấu)
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TÀI CHÍNH - UBND CẤP XÃ
CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN BÁO CÁO

Phụ lục số 7 - Biểu số 9

THUYẾT MINH

CHI KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIỆN TAI CỦA NSDP NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính, UBND cấp xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Tổng số	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
A/ Tổng nguồn				
I/ Nguồn trong nước				
1/ Trung ương bổ sung				
2/ Các tổ chức, cá nhân trong nước ủng hộ				
3/ Nguồn của NSDP				
Tr.đó: - Từ nguồn dự phòng				
- Từ quỹ dự trữ tài chính				
- Từ nguồn tang thu				
- Từ nguồn thường vụt thu				
- Từ nguồn khác				
4/ Các nguồn khác				
II/ Nguồn viện trợ nước ngoài				
B/ Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP				
I/ Chi đầu tư XDCB				
II/ Chi thường xuyên				
1/ Chi sự nghiệp kinh tế				
2/ Chi giáo dục				
3/ Chi y tế				
4/ Chi đảm bảo xã hội				
....				

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TÀI CHÍNH - UBND CẤP XÃ

(Ký tên và đóng dấu)

CÁN BỘ TRÌNH

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN BÁO CÁO

Phụ lục số 7 - Biểu số 10

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG

NGUỒN DỰ PHÒNG, TĂNG THU VÀ THƯỞNG VƯỢT DỰ TOÁN THU CỦA NSDP NĂM
(Dùng cho cơ quan tài chính, UBND cấp xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
		Dự phòng	Tăng thu	Thưởng vượt dự toán thu	
A/ Tổng nguồn					
B/ Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP					
I/ Chi đầu tư XD&CB					
II/ Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp (nếu có theo phân cấp)					
III/ Chi thường xuyên					
IV/ Chi sự nghiệp kinh tế					
1/ Chi giáo dục					
2/ Chi y tế					
3/ Chi đảm bảo xã hội					
4/ Chi khác					
.....					

Ngày tháng năm

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TÀI CHÍNH - UBND CẤP XÃ

(Ký tên và đóng dấu)

CÁN BỘ TRÌNH

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo dùng các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

CƠ QUAN BÁO CÁO

Phụ lục số 7 - Biểu số 11

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính, UBND cấp xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm		Số tồn tại chưa xử lý	Ghi chú
		thanh tra	kiểm toán	thanh tra	kiểm toán		
I	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý						
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách <i>Chi tiết: ...</i>						
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách <i>Chi tiết: ...</i>						
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán a Nộp trả ngân sách: <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i> <i>- Chi thường xuyên</i>						
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i> <i>- Chi thường xuyên</i>						
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i> <i>- Chi thường xuyên</i>						
II	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra năm nay						
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách						

SIT	Nội dung	Số kiến nghị của			Số xử lý năm		Số tồn tại chưa xử lý	Ghi chú
		thanh tra	kiểm toán	thanh tra	kiểm toán	thanh tra		
	Chi tiết:							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	Chi tiết:							
							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
III	Các vấn đề khác liên quan cần giải trình							
							

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TÀI CHÍNH - UBND CẤP XÃ
 (Ký tên, ghi rõ họ tên)
 (Ký tên và đóng dấu)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO:**- Đơn vị dự toán.**

**Sở Tài chính, Phòng Tài chính,
UBND cấp xã (Báo cáo NSDP).**

BÁO CÁO CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU***DVT: Triệu đồng***

TT	Nội dung	Năm trước (diễn kè)		Năm báo cáo		Giải trình
		Năm trước (diễn kè)	Năm báo cáo	Số tuyệt đối	Số tương đối	
A		1	2	3 = 2 - I	4 = 3/I	5
1	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư công. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc cho phép chuyển nguồn sang năm sau nữa, nhưng không quá thời hạn giải ngân của dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn					
2	Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán					
3	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội					
4	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi					
5	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc					
6	Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện					
7	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau					

*(Giải trình: Nếu tự do số liệu năm báo cáo tăng/giảm so với số liệu năm liền kề)***Người lập báo cáo****Thủ trưởng đơn vị**